KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của UBND xã Tứ Kỳ)

Số: 80/BC-UBND; 09/03/2026; 16:05:14 +07:00

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án/ DT chuẩn bị đầu tư		*Kế hoạch đầu tư công năm 2026*			Điều chỉnh tăng	*Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh*			Ghi chú
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số các nguồn vốn	*Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)*	*Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết*		Tổng số các nguồn vốn	*Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)*	*Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết*	
	TỔNG CỘNG			**392,232**	**0**	**392,232**	**84,632**	**33,466**	**51,166**	**95,390**	**180,022**	**128,166**	**51,856**	
A	**Dự án đã hoàn thành**			**161,915**	**0**	**161,915**	**40,400**	**25,734**	**14,666**	**7,390**	**47,790**	**32,434**	**15,356**	
I	**Dự án đã phê duyệt quyết toán**			**68,232**	**-**	**68,232**	**13,400**	**3,234**	**10,166**	**-**	**13,400**	**3,234**	**10,166**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã (Đoạn từ nhà văn hoá thôn Vạn đến trường MN Minh Cường, XD kênh T6 (GĐ2)	2021-2022		13,274		13,274	7,374	3,000	4,374		7,374	3,000	4,374	
2	Nghĩa trang liệt sỹ xã Quang Phục; Hạng mục: Đường vào nghĩa trang, kè ao, hệ thống chiếu sáng, cuốn thư, phù điêu sau Kỳ Đài			845		845	845		845		845	-	845	
3	Trường Tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ; Hạng mục: Sửa chữa Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng	2024		1,100		1,100	1,100		1,100		1,100	-	1,100	
4	Xây mới nhà đa năng, sân khấu ngoài trời và cải tạo sân trường Tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	2024		1,140		1,140	1,140		1,140		1,140	-	1,140	
5	Trụ sở làm việc UBND xã Minh Đức	2017-2018		11,034		11,034	238		238		238	-	238	
6	Nhà văn hóa trung tâm xã Minh Đức	2019-2020		7,770		7,770	363		363		363	-	363	
7	Đường giao thông nội đồng xóm 4 Vạn xã Minh Đức	2020		379		379	127		127		127	-	127	
8	Chỉnh trang đô thị thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, HM: Bê tông vỉa hè đường vành đai Đông -Nam + vỉa hè tòa án + nhà xe thị trấn	2021		576		576	26		26		26	-	26	
9	Cải tạo hố chôn lấp rác thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	2021		326		326	26		26		26	-	26	
10	Chôn lấp rác thải cũ và xây dựng bãi tập kết rác thải mới thị trấn Tứ Kỳ	2023		946		946	46		46		46	-	46	
11	Cải tạo hệ thống đèn cao áp thị trấn Tứ Kỳ (GĐ2)	2021		986		986	56		56		56	-	56	
12	Cải tạo hệ thống đèn cao áp thị trấn Tứ Kỳ	2021		1,040		1,040	79		79		79	-	79	
13	Cải tạo Đường giao thông ra bãi rác thị trấn Tứ Kỳ	2021		769		769	68		68		68	-	68	
14	Phá dỡ nhà lớp học trường THCS thị trấn Tứ Kỳ	2021		259		259	26		26		26	-	26	
15	Cải tạo Vỉa hè Ven Tỉnh Lộ 391Km (Đoạn từ KM 17+200 đến Km17+400) trục đường Tây Nguyên và sân thể thao hội trường thị trấn Tứ Kỳ	2020		603		603	64		64		64	-	64	
16	Cải tạo nhà lớp học 2T8P và nhà lớp học 3T9P Trường TH thị trấn Tứ Kỳ			1,059		1,059	47		47		47	-	47	
17	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THCS thị trấn Tứ Kỳ			14,954		14,954	100		100		100	-	100	

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án/ DT chuẩn bị đầu tư		*Kế hoạch đầu tư công năm 2026*			Điều chỉnh tăng	*Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh*			Ghi chú
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số các nguồn vốn	*Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)*	*Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết*		Tổng số các nguồn vốn	*Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)*	*Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết*	
18	Xây dựng Phù Điêu Thị trấn Tứ Kỳ			534		534	234	234.0	-		234	234	-	
19	Dự án: Trường tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học (A) 3 tầng 12 phòng, nhà lớp học (B) 2 tầng 8 phòng, nhà lớp học (C) 2 tầng 2 phòng, nhà bếp + ăn;			996		996	300		300		300	-	300	
20	Hội trường UBND xã Quang Khải			6,136		6,136	58		58		58	-	58	
21	Công trình phụ trợ UBND xã Quang Khải: Hạng mục: nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, nhà xe khách, bể nước và lát sân			1,147		1,147	12		12		12	-	12	
22	Công trình phụ trợ UBND xã Quang Khải Hạng mục: cổng tường rào, nhà xe CBNV, sân đường nội bộ, bồn hoa			1,148		1,148	12		12		12	-	12	
23	Xây dựng cổng, tường rào và sân bê tông nhà văn hóa thôn Phúc Lâm, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ			496.6		496.6	497		497		497	-	497	
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Dọc, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ			228.0		228.0	178		178		178	-	178	
25	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Minh Đức đến năm 2030			485.9		485.9	386		386		386	-	386	
II	**Dự án đã hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán**			**93,683**	**-**	**93,683**	**27,000**	**22,500**	**4,500**	**7,390**	**34,390**	**29,200**	**5,190**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Miếu Đống Ốc thị trấn Tứ Kỳ, đoạn từ ĐT 391 đến đường vành đai Đông Bắc	2022-2025		9,135		9,135	4,000	4,000	0		4,000	4,000	-	
2	Cải tạo sân, xây mới cổng Trường Mầm non Quang Khải	2025		1,700		1,700	500	500	0		500	500	-	
3	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng Trường Tiểu học Minh Đức	2021-2025		12,529		12,529	9,000	7,000	2,000		9,000	7,000	2,000	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lâm. Hạng mục: Nhà tổ, nhà mẫu, đền thánh	2024-2025		2,806		2,806	1,500	1,000	500		1,500	1,000	500	
5	Nhà tập đa năng Trường THCS Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	2021-2025		12,644		12,644	10,000	8,000	2,000		10,000	8,000	2,000	
6	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non B thôn Vạn, xã Minh Đức	2020-2021		8,253		8,253	2,000	2,000	-		2,000	2,000	-	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Minh Đức 1 1 Quang Khải, đoạn từ thôn Quản, xã Minh Đức đến thôn Tân Quang, xã Quang Khải;			13,729		13,729				690	690		690	Thành phố chuyển về xã làm chủ đầu tư
8	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất lúa hữu cơ, kết hợp với khai thác rươi cây tự nhiên tại các xã An Thanh và Quang Trung; hạng mục: Cống Đa Vang, đường giao thông và các cống trong kênh trục nội đồng			32,887		32,887				6,700	6,700	6,700		Thành phố chuyển về xã làm chủ đầu tư

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt dự án/ DT chuẩn bị đầu tư		*Kế hoạch đầu tư công năm 2026*			Điều chỉnh tăng	*Kế hoạch đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh*			Ghi chú
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số các nguồn vốn	*Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)*	*Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết*		Tổng số các nguồn vốn	*Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)*	*Ngân sách xã từ thu tiền sử dụng đất được điều tiết*	
B	**Dự án chuyển tiếp đang thi công**			**123,517**	**-**	**123,517**	**3,000**	**2,000**	**1,000**	**88,000**	**91,000**	**90,000**	**1,000**	
1	Trường Tiểu học Tứ Kỳ; Hạng mục: San lấp, sân đường, cổng tường rào	2025-2026		5,517		5,517	3,000	2,000	1,000		3,000	2,000	1,000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 191Q đoạn qua xã Quang Trung, Tiên Động, Nguyên Giáp			118,000		118,000				88,000	88,000	88,000		Thành phố chuyển về xã làm chủ đầu tư
C	**Danh mục dự án dự kiến khởi công mới**			**106,800**	**-**	**106,800**	**41,232**	**5,732**	**35,500**	**-**	**41,232**	**5,732**	**35,500**	
I	**Lĩnh vực Giáo dục- Đào tạo và dạy nghề**			**61,000**	**-**	**61,000**	**26,232**	**4,732**	**21,500**	**-**	**26,232**	**4,732**	**21,500**	
1	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng xây dựng đường vào Trường Mầm non Tứ Kỳ (mới)	2026-2027		20,000		20,000	10,000		10,000		10,000	-	10,000	
2	Xây dựng nhà đa năng Trường Tiểu học Tứ Kỳ	2026		6,000		6,000	4,000	1,000	3,000		4,000	1,000	3,000	
3	Xây mới Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, sân Trường tiểu học Minh Đức xã Tứ Kỳ (điểm Minh Cường)	2026		3,500		3,500	2,000	1,000	1,000		2,000	1,000	1,000	
4	Cải tạo, sửa chữa các phòng học đã xuống cấp, sân cổng tường rào Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	2026-2027		8,000		8,000	2,000	1,000	1,000		2,000	1,000	1,000	
5	Các hạng mục phụ trợ, sân đường, tường bao Trường Trung học cơ sở Tứ Kỳ	2026-2027		3,500		3,500	2,232	732	1,500		2,232	732	1,500	
6	Trường THCS Tứ Kỳ Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng	2026-2027		20,000		20,000	6,000	1,000	5,000		6,000	1,000	5,000	
II	**Lĩnh vực giao thông**			**32,800**	**-**	**32,800**	**11,000**	**1,000**	**10,000**	**-**	**11,000**	**1,000**	**10,000**	
1	Cải tạo, nâng cấp đường làng nghề An Nhân, xã Tứ Kỳ	2026-2027		12,000		12,000	4,000		4,000		4,000	-	4,000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông vành đai thôn Vạn, xã Tứ Kỳ	2026-2027		18,000		18,000	5,000		5,000		5,000	-	5,000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thị tứ xã Tứ Kỳ (Đoạn từ đường 191B đến đường 191 cũ)	2026		2,800		2,800	2,000	1,000	1,000		2,000	1,000	1,000	
III	**Lĩnh vực Công cộng, văn hóa thông tin và thể dục thể thao**			**10,000**	**-**	**10,000**	**3,000**	**-**	**3,000**	**-**	**3,000**	**-**	**3,000**	
1	Cải tạo, sửa chữa Đền Liệt sỹ Tứ Kỳ	2026-2027		10,000		10,000	3,000		3,000		3,000	-	3,000	
IV	**Lĩnh vực Quản lý nhà nước**			**3,000**	**-**	**3,000**	**1,000**	**-**	**1,000**	**-**	**1,000**	**-**	**1,000**	
1	Sửa chữa Nhà Văn hoá trung tâm xã Tứ Kỳ	2026		3,000		3,000	1,000		1,000		1,000	-	1,000	

Phụ lục số 02

DỰ KIẾN NGUỒN VỐN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 03 năm 2026)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nguồn thu dự kiến	Ghi chú
	Tổng cộng	**180,022**	
1	**Nguồn vốn ngân sách xã**	**85,322**	
1.1	Nguồn vốn tập trung (vốn tiêu chí định mức)	33,466	
1.2	Nguồn thu sử dụng đất được phân bổ	51,856	
-	*Chuyển nguồn năm trước sang*	0	
-	*Thu tiền đất trong năm được phân bổ*	51,856	
2	**Nguồn ngân sách thành phố**	**94,700**	

Phụ lục 03

DỰ KIẾN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của UBND xã Tứ Kỳ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Diện tích (ha)	Tổng mức đầu tư	Diện tích đất ở (ha)	Dự kiến giá/m2	Kế hoạch dự kiến nguồn thu		Ghi chú
								Thu nộp NSNN	Thu theo tỷ lệ điều tiết NS xã	
	THU TIỀN ĐẤT TRONG NĂM									
	Trong đó: Nguồn thu được phép phân bổ kế hoạch đầu tư công 2026									
I	**Khu dân cư theo tỷ lệ (điều tiết 40% về ngân sách xã)**									
1	Khu dân cư mới An Nhân Đông, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng)	Xã Tứ Kỳ	2021-2023	1.10	7,659	0.432	32-35	129,640	51,856	